

BÁO CÁO

Sơ kết sản xuất vụ đông xuân 2021 - 2022, triển khai kế hoạch sản xuất vụ hè thu, vụ mùa và định hướng vụ đông năm 2022

Kính gửi: Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện Văn bản số 381/TT-CLT ngày 25/4/2022 của Cục Trồng trọt về việc sơ kết sản xuất vụ Đông Xuân 2021 - 2022, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu, Mùa và định hướng vụ đông 2022 các tỉnh phía Bắc, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang báo cáo như sau:

I. Sản xuất vụ đông xuân 2021 - 2022

1. Đánh giá chung

1.1. Thuận lợi

- Công tác chỉ đạo sản xuất được chính quyền các cấp, các ngành tập trung phối hợp chặt chẽ. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp là động lực khuyến khích, thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Cơ giới hóa trong sản xuất ngày càng được đẩy mạnh; cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, hệ thống thủy lợi ngày càng hoàn thiện.

- Công tác quản lý nhà nước về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật được thực hiện chặt chẽ và thường xuyên; nguồn vật tư đầu vào đảm bảo số lượng, chất lượng để phục vụ sản xuất.

- Công tác tập huấn kỹ thuật được triển khai sớm, nội dung trọng tâm vào các biện pháp kỹ thuật mới, các biện pháp chăm sóc cây trồng trong điều kiện khó khăn của thời tiết đã giúp người sản xuất ứng phó nhanh với thời tiết bất thuận.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên môn với các cấp chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo sản xuất đã trực tiếp thúc đẩy, hỗ trợ người dân chú trọng đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng.

- Công tác phòng chống dịch bệnh cho cây trồng được các địa phương chủ động triển khai thực hiện, dự tính, dự báo sâu bệnh hại chính xác, kịp thời. Việc tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức phòng trừ dịch hại được các đơn vị chuyên

môn và chính quyền cơ sở phối hợp chặt chẽ nên các đợt phát sinh sâu bệnh hại trong vụ đều được khống chế không lan ra diện rộng.

1.2. Khó khăn, hạn chế

- Tình hình dịch bệnh Covid 19 gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống xã hội, trong đó trực tiếp ảnh hưởng đến sản xuất trồng trọt như giá vật tư phân bón và vận chuyển hàng hóa nông sản tăng đột biến nên chi phí sản xuất lớn; hàng hóa nông sản, đặc biệt là mặt hàng rau các loại lưu thông tiêu thụ bị hạn chế...

- Thời tiết có những diễn biến bất thường: Vụ Đông Xuân, trời rét xen kẽ với những ngày nắng, biên độ nhiệt độ ngày đêm trong tháng 4/2022 chênh lệch cao, ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng vụ Đông Xuân. Giai đoạn lúa làm đòng, vào các ngày 30/3 và 01/4/2022 do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, các khu vực trong tỉnh đã có mưa vừa, mưa to; trời trở lạnh, nhiệt độ giảm mạnh chỉ từ 17°C-23°C đã làm ảnh hưởng đến quá trình phân hóa đòng của cây lúa, đặc biệt là một số giống mẫn cảm với nhiệt độ thấp gây ra hiện tượng trắng đầu bông.

Đêm 30/4 đến 01/5/2022 do ảnh hưởng của không khí lạnh, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã có mưa vừa, mưa to làm ngập úng 138 ha cây trồng (cây lúa 08 ha; cây ngô, màu 130 ha); trời trở rét, nhiệt độ từ 18°C-25°C đã ảnh hưởng đến lúa giai đoạn trổ, gây lép đầu bông.

- Mức độ cơ giới hóa ở các khâu sản xuất chưa đồng bộ, mới chỉ tập trung chủ yếu ở khâu làm đất, các khâu khác như: Gieo cấy, chăm sóc mức độ cơ giới hóa còn thấp, lao động thủ công vẫn là chủ yếu.

2. Kết quả sản xuất vụ đông xuân 2021 - 2022

- Cây lúa: Đã gieo cấy 18.785 ha, đạt 101,6% KH, bằng 97,9% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó lúa lai 8.716 ha, đạt 101,7 % KH. Năng suất ước đạt 59,4 tạ/ha, sản lượng ước đạt 111.588 tấn.

Cơ cấu giống: Diện tích lúa lai chiếm 46,4%, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2021; nhóm lúa chất lượng đạt 5.540 ha, chiếm 29,5% diện tích, tăng 141 ha so với cùng kỳ năm 2021.

- Cây ngô: Đã gieo trồng 8.026 ha, đạt 100% KH, bằng 97,3% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó trên ruộng 01 vụ 2.427 ha. Năng suất ước đạt 46,2 tạ/ha, sản lượng ước đạt 37.052 tấn.

Cơ cấu giống: Các giống chủ lực là NK4300 chiếm 17,4% diện tích gieo trồng; LVN 99, LVN10 chiếm 12,9%; CP3Q chiếm 9,1%; NK4300 Bt/GT chiếm 7,7%, còn lại là các giống khác.

- Cây lạc: Đã gieo trồng 3.330 ha, đạt 99,1% KH, bằng 100,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu giống: Chủ lực là giống L14 chiếm 86,8% diện tích gieo trồng; giống lạc sen chiếm 9,2%; còn lại là các giống lạc LVT, lạc địa phương.

- Cây đậu tương: Đã gieo trồng 108 ha, đạt 93,8% KH, bằng 106,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu giống: Giống DT 84 chiếm 89,6% diện tích gieo trồng; giống DT96 chiếm 20,4% diện tích gieo trồng.

- Cây khoai lang, rau, củ: Đã gieo trồng 1.419 ha, đạt 87,1% KH, bằng 110,3% so với cùng kỳ năm 2021.

3. Kết quả chuyển đổi trồng lúa sang trồng các loại cây trồng khác năm 2021 và kế hoạch chuyển đổi năm 2022.

3.1. Kết quả chuyển đổi năm 2021: Đã chuyển đổi 121,3 ha từ trồng lúa sang trồng các loại cây trồng khác, trong đó:

- Chuyển đổi 53 ha từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm (*Rau, quả các loại, ngô, lạc, mía, cây thức ăn chăn nuôi...*) đã tăng giá trị sử dụng đất, đa dạng hóa sản phẩm, tạo được những vùng sản xuất hàng hóa, giúp người nông dân thay đổi tư duy sản xuất cá thể sang sản xuất liên kết tập trung, có tổ chức.

- Chuyển đổi 66,4 ha từ trồng lúa sang trồng cây lâu năm (*Cam, bưởi, chanh...*) giúp người dân sử dụng hiệu quả đất lúa trong điều kiện khó khăn về nguồn nước, khó khăn về nhân công lao động, làm tăng giá trị kinh tế, thu nhập cho người dân.

- Chuyển đổi 1,9 từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Một số diện tích đất trồng lúa có địa hình thấp, trũng, thường xuyên bị ngập úng, cây lúa vụ mùa không hiệu quả, nhân dân chuyển kết hợp nuôi trồng thủy sản. Do đó tận dụng tối đa diện tích canh tác cũng như tăng hiệu quả kinh tế, thu nhập cho người dân

3.2. Kế hoạch chuyển đổi năm 2022

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác 292 ha, trong đó: Chuyển đổi sang trồng cây hàng năm 171,4 ha; chuyển đổi sang trồng cây lâu năm 86,2 ha; chuyển đổi sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản 34,4 ha.

4) Kết quả triển khai liên kết sản xuất trong vụ Đông xuân 2021-2022 và kế hoạch triển khai các mô hình liên kết sản xuất vụ Hè thu, vụ Mùa và vụ Đông 2022

4.1. Kết quả thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vụ Đông Xuân 2021-2022

Toàn tỉnh có 8 doanh nghiệp, HTX tham gia liên kết sản xuất vụ Đông với diện tích đạt 183 ha (Ngô sinh khối 55,4 ha, dưa chuột 73 ha, cây gai xanh 54,5 ha). Kết quả thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bước đầu

tạo mối liên kết sản xuất hàng hoá giữa người dân và doanh nghiệp trong chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, giúp nông dân yên tâm đầu tư sản xuất và chủ động kế hoạch sản xuất đáp ứng yêu cầu thu mua của doanh nghiệp tiêu thụ. Trong đó:

- Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối: Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Tiến Thành Tuyên Quang thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối (sử dụng giống ngô: NK7328BT/GT và giống ngô SSC586), quy mô 55,4 ha tại các huyện Chiêm Hóa, Yên Sơn, Sơn Dương cho giá trị từ 90 đến 100 triệu đồng/ha.

- Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dưa chuột: Hợp tác xã Chăn nuôi và sản xuất giống gia cầm Minh Tâm, huyện Sơn Dương; Hợp tác xã nông nghiệp xanh huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện mở rộng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dưa chuột tại các xã trên địa bàn huyện Sơn Dương, Thành phố, Hàm Yên, Chiêm Hoá, từ đầu năm 2022 đến nay đã trồng được 73 ha dưa chuột, đã tổ chức thu mua được 1.900 tấn dưa chuột, với giá thu mua từ 3.200 - 6.000đ/kg.

- Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây gai xanh: Công ty Cổ phần nông nghiệp An Phước - Hà Nội liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây gai xanh, diện tích thực hiện 54,5 ha. Đánh giá cây gai xanh sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt 95%, năng suất vỏ khô đạt 30,9 kg/lúa/sào (859 kg/lúa/ha).

4.2. Kế hoạch triển khai các mô hình liên kết sản xuất vụ Hè thu, vụ Mùa và vụ Đông 2022

Tiếp tục triển khai nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị như: Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dưa chuột; mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây gai xanh; mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối; ngoài ra thực hiện mô hình mới như: Trồng bí đỏ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm rau củ quả an toàn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật theo tiêu chuẩn VietGap (gắn với phát triển sản phẩm OCOP)...

5. Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa

- Tổng các loại máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có khoảng trên 86.200 chiếc; trong đó: Máy làm đất khoảng 29.100 chiếc, các loại máy, thiết bị khác khoảng trên 57.100 chiếc.

- Mức độ cơ giới hóa các khâu sản xuất đối với các loại cây trồng chính trên địa bàn tỉnh đạt 56,2%. Mức độ cơ giới cụ thể của các khâu sản xuất:

- + Khâu làm đất đạt 89,3%.
- + Khâu gieo cấy đạt 8,9%.
- + Khâu chăm sóc đạt 57,9%.
- + Khâu thu hoạch đạt 68,7%.

Thực trạng sử dụng máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung chủ yếu ở các địa phương có diện tích canh tác lớn và địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất đồng thời tập trung đối với canh tác một số cây trồng chính như: Lúa, ngô, lạc. Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất đã góp phần giải phóng được sức lao động đặc biệt ở những khâu nặng nhọc và vất vả trong sản xuất nông nghiệp, đảm bảo đúng khung thời vụ và giảm được chi phí trong sản xuất.

6. Triển khai thực hiện mô hình vụ Đông Xuân 2021 – 2022

6.1. Kết quả thực hiện mô hình

Vụ Đông Xuân 2020-2021, toàn tỉnh đã thực hiện 55 mô hình trình diễn áp dụng các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, với tổng diện tích thực hiện 279,75 ha, trong đó: 44 mô hình lúa, diện tích thực hiện 92,85 ha; 05 mô hình ngô, diện tích thực hiện 55,6 ha; 03 mô hình lạc, diện tích thực hiện 3,8 ha; 01 mô hình dưa chuột, diện tích thực hiện 73 ha; 01 mô hình cây gai xanh, diện tích thực hiện 54,5 ha.

6.2. Một số mô hình điển hình

a. Mô hình trồng mới và thâm canh chè theo tiêu chuẩn VietGAP

Quy mô: 2,65 ha (0,65ha trồng mới và 2,0 ha thâm canh), với 10 hộ tham gia thực hiện tại xã Tân Trào huyện Sơn Dương. Mô hình sử dụng giống chè mới (TRI.50) có nâng cao năng suất, chất lượng vào trồng để dần thay thế các giống chè cũ có năng suất thấp tại địa phương. Áp dụng quy trình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP, năng suất chè tăng 10% so với sản xuất đại trà, tạo ra sản phẩm có chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu người dùng đồng thời thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Mô hình sản xuất chè an toàn theo VietGAP đạt hiệu quả kinh tế cao, đã tạo việc làm, tăng thu nhập các hộ tham gia mô hình, góp phần thay đổi tập quán canh tác chè truyền thống sang đầu tư thâm canh cây chè an toàn theo hướng sản xuất hàng hóa để tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, hạn chế ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giữ cân bằng hệ sinh thái.

b. Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây gai xanh

- Phối hợp với Công ty Cổ phần nông nghiệp An Phước - Hà Nội mở rộng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây gai xanh, diện tích thực hiện 54,89 ha, trong đó huyện Sơn Dương 14,5 ha, Yên Sơn 5,0 ha, Chiêm Hoá 30 ha, Na Hang 5,0 ha. Đã tổ chức 01 hội nghị tổng kết đánh giá kết quả bước đầu mô hình tại xã Tân Thanh huyện Sơn Dương, kết quả đánh giá cây gai xanh sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt 95%, năng suất vỏ khô đạt 30,9 kg/lúa/sào, (859 kg/lúa/ha) cho thu nhập trên 33 triệu đồng/ha/lúa, một năm cho thu hoạch

từ 4-5 lúa. Thông qua mô hình người dân đã thay đổi tập quán canh tác từ sản xuất nhỏ lẻ manh mún sang sản xuất hàng hoá tập trung theo chuỗi liên kết để nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập.

c. Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối

Phối hợp với Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Tiến Thành Tuyên Quang thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối (sử dụng giống ngô: NK7328BT/GT và giống ngô SSC586), quy mô 55,4 ha, trong đó 47,9 ha tại xã: Tràng Đà, Nông Tiến, Hưng Thành thành phố Tuyên Quang và 7,5 ha tại xã: Cấp Tiến, Tân Trào, Minh Thanh huyện Sơn Dương; các hộ được cung ứng giống, phân bón để trồng và trả khi thu hoạch sản phẩm. Qua theo dõi đánh giá cây ngô sinh khối sinh trưởng, phát triển tốt, thời gian sinh trưởng ngắn từ 80-85 ngày, tiết kiệm công chăm sóc và thu hoạch, chi phí phân bón, thuốc trừ sâu, năng suất bình quân ước đạt trên 47 tấn/ha. Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao Tiến Thành đã ký hợp đồng thu mua toàn bộ sản phẩm cho nông dân.

7. Một số cơ chế, chính sách của tỉnh đã và đang được áp dụng để hỗ trợ sản xuất

- Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 về quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025

II. Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa và vụ Đông năm 2022

1. Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa

- Cây lúa: Diện tích 24.720 ha, (trong đó lúa lai 9.174 ha), năng suất 58,9 tạ/ha, sản lượng 145.519 tấn.

- Cây ngô: Diện tích 4.459 ha, năng suất 48,4 tạ/ha, sản lượng 20.585 tấn.

- Cây lạc: Diện tích 1.195 ha, năng suất 29,2 tạ/ha, sản lượng 3.491 tấn.

- Cây đậu tương: Diện tích 305 ha, năng suất 19,7 tạ/ha, sản lượng 601 tấn.

2. Kế hoạch sản xuất vụ Đông

- Cây ngô: diện tích 4.785 ha, năng suất 47,3 tạ/ha, sản lượng 22.612 tấn.

- Cây khoai lang, rau, củ: diện tích 4.490 ha, năng suất 88,8 tạ/ha, sản lượng 39.889 tấn.

3. Một số giải pháp chính triển khai kế hoạch vụ mùa, vụ đông 2022

Để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ mùa, vụ đông năm 2022 các cơ quan chuyên môn, chính quyền tại địa phương trong tỉnh chuẩn bị thực hiện tốt một số giải pháp cụ thể như sau:

3.1. Công tác chỉ đạo

- Tập trung mở rộng diện tích cây trồng có năng suất, chất lượng cao, thị trường tiêu thụ thuận lợi như lúa chất lượng, rau các loại.

- Chỉ đạo khuyến khích các hình thức tích tụ ruộng đất liên kết với doanh nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo ra sản lượng hàng hóa nông sản lớn, đặc biệt là mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn (VietGAP, hữu cơ...) và các cây rau, màu có giá trị kinh tế cao, dễ tiêu thụ.

- Đôn đốc, hướng dẫn nhân dân tăng cường mở rộng ứng dụng các tiến bộ mới đã được đánh giá có hiệu quả cao vào sản xuất đại trà để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản, tăng giá trị của sản xuất.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với các Doanh nghiệp, đơn vị liên quan tiếp tục xây dựng các mô hình sản xuất thử giống mới, liên kết tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất.

3.2. Về giống, thời vụ

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn bám sát Hướng dẫn sử dụng giống và thời vụ năm 2022 để xây dựng kế hoạch sản xuất vụ mùa, vụ đông cho phù hợp với thực tế sản xuất của từng địa phương; bố trí cơ cấu trà, giống lúa trong vụ mùa hợp lý, nhất là những địa phương có kế hoạch mở rộng sản xuất cây vụ Đông. Sử dụng các giống cây trồng sau:

- Cây lúa Mùa:

+ Cơ cấu giống: Sử dụng giống lúa thuần KM 18, BC15, Thiên ưu 8, TBR 225, TBR 279, Hà Phát 3, VNR20 và giống chất lượng HT1, Bắc thơm số 7, J02, Đài thơm 8, Bắc Hương 9, nếp N97, IRi 352; các giống lúa lai Tạp giao 1; Nhị ưu 838, Thái Xuyên 111, GS9, GS55, Bắc ưu 903.

+ Thời vụ: Trà Mùa sớm, gieo mạ từ ngày 25/5 đến ngày 10/6; cấy từ ngày 05/6 đến ngày 20/6, khi mạ có từ 2,5 đến 3 lá. Trà Mùa chính vụ, gieo mạ từ ngày 10/6 đến ngày 25/6; cấy từ ngày 20/6 đến ngày 10/7, khi mạ có từ 2,5 đến 3 lá. Trà Mùa muộn, gieo mạ từ ngày 25/6 đến ngày 05/7; cấy từ ngày 10/7 đến ngày 20/7.

- Cây ngô, lạc, đậu tương Hè Thu:

+ Cơ cấu giống: Giống ngô: LVN99, CP-3Q, Bioseed 9698, NK4300, DK6919, nếp HN88, các giống ngô biến đổi gen NK4300 Bt/Gt, DK 6919s. Giống lạc: L14. Giống đậu tương: DT84.

+ Thời vụ: Gieo trồng đến ngày 20/8 trên đất màu đồi, soi bãi.

- Cây ngô Đông:

+ Cơ cấu giống: Sử dụng giống ngô lai LVN99, CP-3Q, Bioseed 9698, NK4300, DK6919, nếp HN88; giống ngô biến đổi gen NK4300 Bt/Gt.

+ Thời vụ: Trên đất soi bãi: Gieo trước ngày 10/9. Trên đất ruộng 02 vụ lúa: Gieo bằng hạt trước ngày 30/9, trồng bằng bầu trước ngày 05/10.

- Cây khoai lang, rau, củ vụ Đông:

+ Cơ cấu giống: Tập trung sản xuất các loại cây trồng giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ ổn định như rau, đậu các loại: Rau cải các loại, su hào, bắp cải, súp lơ, dưa chuột, bí, khoai lang, khoai tây, ngô nếp, ngô ngọt...

- Thời vụ: Bố trí trồng rải vụ phù hợp để đảm bảo nguồn cung, hạn chế tình trạng dư thừa trong thời gian chính vụ. Đối với vùng trồng rau chuyên canh: Khẩn trương gieo trồng sau khi thu hoạch lúa mùa. Bố trí trồng luân canh, xen canh, rải vụ các loại rau màu, tăng cường đầu tư chăm sóc đảm bảo quy trình kỹ thuật để nâng cao năng suất và giá trị kinh tế.

3.3. Về đầu tư chăm sóc

- Huy động mọi nguồn lực về lao động, máy móc để làm đất, gieo trồng đảm bảo thời vụ.

- Đẩy mạnh đầu tư, thâm canh cây trồng; kiểm tra, quản lý chặt chẽ nguồn nước từ các công trình thủy lợi, sử dụng nguồn nước tưới đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và có kế hoạch tích nước để phục vụ cho sản xuất vụ đông.

- Chú trọng việc kiểm tra giám sát đồng ruộng, kịp thời phát hiện và tổ chức phòng trừ sâu, bệnh hại hiệu quả đảm bảo không để sâu bệnh phát sinh gây hại thành dịch làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng....

3.4. Thông tin, tuyên truyền, tiêu thụ sản phẩm

Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia liên kết sản xuất; Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuê đất, liên kết đầu tư và ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm; đồng thời làm tốt công tác dự báo thị trường, nắm bắt nhu cầu thị trường, tổ chức sản xuất các loại cây trồng phù hợp, đa dạng chủng loại, bố trí trồng rải vụ, sản xuất tập trung, tránh tình trạng thiếu hoặc thừa sản phẩm mất cân bằng thị trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến cáo và hướng dẫn nhân dân đầu tư thâm canh hợp lý cho từng loại giống, từng loại đất, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh kịp thời để tăng năng suất cây trồng. Vận động các doanh nghiệp có năng lực tham gia liên kết đầu tư, hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nhân

dân trên địa bàn. Đồng thời là đầu mối ký kết các hợp đồng để tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất. Gắn trách nhiệm giữa các bên liên quan đảm bảo thông suốt trong quá trình thực hiện từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

3.5. Giải pháp về chính sách

Lồng ghép các nguồn vốn khác nhau như chương trình Mục tiêu quốc gia Nông thôn mới, các chính sách hỗ trợ sản xuất của tỉnh để hỗ trợ thực hiện một số mô hình, dự án theo chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm. Huy động vốn tự có của nhân dân, vốn vay, vốn doanh nghiệp để đầu tư liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tạo thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn theo định hướng của Bộ, ngành và của tỉnh.

III. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT sớm ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để có căn cứ giao kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên; | (Báo cáo)
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KH-TC Sở;
- Chi cục TTBVTV;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt